

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO TỪ XA - QUAN HỆ DOANH NGHIỆP
THS. NGUYỄN THỊ THU CÚC



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

VINH, NĂM 2011



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO TỪ XA - QUAN HỆ DOANH NGHIỆP
THS. NGUYỄN THỊ THU CÚC



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

VINH, NĂM 2011



CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Mục tiêu của chương: Nắm được bản chất, chức năng của ngân hàng thương mại, qua đó phân biệt được sự khác nhau cơ bản giữa ngân hàng và các định chế tài chính khác.

Hiểu được tổng quan các hoạt động nghiệp vụ của ngân hàng thương mại.

1. Khái niệm ngân hàng thương mại

Luật các tổ chức tín dụng do quốc hội khóa X thông qua vào ngày 12 tháng 12 năm 1997, định nghĩa: “Ngân hàng thương mại là một loại hình tổ chức tín dụng được thực hiện toàn bộ hoạt động ngân hàng và các hoạt động khác có liên quan”. Luật này còn định nghĩa:” Tổ chức tín dụng là loại hình doanh nghiệp được thành lập theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật để hoạt động kinh doanh tiền tệ, làm dịch vụ ngân hàng với nội dung nhận tiền gửi và sử dụng tiền gửi để cấp tín dụng và cung ứng các dịch vụ thanh toán.”

Luật ngân hàng Nhà nước định nghĩa:” Hoạt động ngân hàng là hoạt động kinh doanh tiền tệ và dịch vụ ngân hàng với nội dung thường xuyên là nhận tiền và sử dụng số tiền này để cấp tín dụng, cung ứng dịch vụ thanh toán.”

2. Các hoạt động chủ yếu của ngân hàng thương mại

2.1. Hoạt động huy động vốn

- Nhận tiền gửi của tổ chức, cá nhân và các tổ chức tín dụng khác dưới hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn và các loại tiền gửi khác.
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và giấy tờ có giá khác để huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- Vay vốn của tổ chức tín dụng khác hoạt động tại Việt Nam và của các tổ chức tín dụng nước ngoài.
- Vay vốn ngắn hạn của Ngân hàng Nhà nước.
- Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2.2. Hoạt động cấp tín dụng

- Ngân hàng thương mại được cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân dưới các hình thức cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, cho thuê tài chính và các hình thức khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước như bao thanh toán tài trợ nhập khẩu, tài trợ xuất khẩu, cho vay thấu chi, cho vay theo hạn mức tín dụng và hạn mức tín dụng dự phòng...

2.3. Hoạt động dịch vụ thanh toán và ngân quỹ

Để thực hiện được các dịch vụ thanh toán giữa các doanh nghiệp thông qua ngân hàng, ngân hàng thương mại được mở tài khoản cho khách hàng. Để thực hiện thanh

toán giữa các ngân hàng với nhau thông qua Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng thương mại phải mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước nơi ngân hàng thương mại đặt trụ sở chính và duy trì tại đó số dư tiền gửi dự trữ bắt buộc theo quy định. Ngoài ra, chi nhánh của ngân hàng thương mại được mở tài khoản tiền gửi tại chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh thành phố nơi đặt trụ sở của chi nhánh. Hoạt động dịch vụ thanh toán và ngân quỹ của ngân hàng thương mại bao gồm các hoạt động sau:

- Cung cấp phương tiện thanh toán
- Thực hiện các dịch vụ thanh toán cho khách hàng
- Thực hiện dịch vụ thu hộ chi hộ
- Thực hiện các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước
- Thực hiện dịch vụ thu và phát tiền mặt cho khách hàng.
- Tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng trong nước

2.4.Các hoạt động khác

Ngoài các hoạt động truyền thống bao gồm huy động tiền gửi, cấp tín dụng và cung cấp dịch vụ thanh toán và ngân quỹ, ngân hàng thương mại còn có thể thực hiện một số hoạt động khác như:

- Góp vốn mua cổ phần

Ngân hàng thương mại được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp và các tổ chức tín dụng khác trong nước theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, ngân hàng thương mại còn được góp vốn, mua cổ phần và liên doanh với ngân hàng nước ngoài để thành lập ngân hàng liên doanh.

- Tham gia thị trường tiền tệ

Ngân hàng thương mại được tham gia thị trường tiền tệ, theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, thông qua các hình thức mua bán các công cụ của thị trường tiền tệ.

- Kinh doanh ngoại hối
- Ủy thác và nhận ủy thác
- Tư vấn tài chính

HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG I

1. Nêu vị trí, vai trò của ngân hàng thương mại trong hệ thống tài chính
2. Hoạt động chủ yếu của ngân hàng thương mại được thể hiện qua những nghiệp vụ gì?

3. Các dịch vụ ngân hàng cung cấp? Tiện ích của các dịch vụ này?
4. Phân tích chức năng “Trung gian thanh toán” của ngân hàng thương mại
5. Phân tích chức năng “Trung gian tín dụng” của ngân hàng thương mại
6. Phân tích chức năng “Tạo tiền” của ngân hàng thương mại
7. Trình bày quá trình hình thành và phát triển của ngân hàng thương mại
8. Sự khác nhau cơ bản giữa ngân hàng thương mại và doanh nghiệp?
9. Trình bày các cách phân loại ngân hàng thương mại.

TÓM TẮT NỘI DUNG CHƯƠNG I

Ngân hàng thương mại là một doanh nghiệp kinh doanh trên lĩnh vực tiền tệ tín dụng, có ba chức năng cơ bản là chức năng trung gian tín dụng, trung gian thanh toán và tạo tiền.

Qua việc huy động và tập trung các nguồn vốn tiền tệ tạm thời nhàn rỗi trong nền kinh tế để cho vay và đầu tư, ngân hàng thương mại đã điều hòa vốn từ nơi tạm thời thừa vốn đến nơi tạm thời thiếu vốn làm giảm tối đa lượng vốn nhàn rỗi trong xã hội, góp phần đẩy nhanh quá trình vận động của vốn trong xã hội.

Thực hiện chức năng trung gian thanh toán là việc ngân hàng trả tiền cho khách hàng theo lịch của chủ tài khoản và nhập vào tài khoản những khoản tiền của họ qua đó cung cấp cho khách hàng nhiều phương tiện thanh toán tiện lợi, giảm được chi phí thời gian thanh toán, thúc đẩy lưu thông hàng hóa, tốc độ lưu chuyển vốn.

Xuất phát từ chức năng trung gian tín dụng và trung gian thanh toán, ngân hàng vừa nhận tiền gửi lại vừa cho vay bằng chuyển khoản làm điều kiện và tiền đề cho hệ thống ngân hàng thương mại có khả năng tạo tiền.

Có nhiều tiêu thức để phân loại ngân hàng thương mại. Dựa theo hình thức sở hữu, ngân hàng thương mại gồm có ngân hàng thương mại liên doanh, ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng thương mại liên doanh, ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài. Dựa theo tiêu thức chiến lược kinh doanh có thể chia ngân hàng thương mại thành ngân hàng bán buôn, ngân hàng bán lẻ và ngân hàng vừa bán buôn vừa bán lẻ.

Ngân hàng thương mại có các hoạt động sau: huy động vốn, cấp tín dụng, dịch vụ thanh toán và ngân quỹ, các hoạt động khác như góp vốn, mua cổ phần, tham gia thị trường tiền tệ, kinh doanh vàng, nghiệp vụ ủy thác và đại lý, dịch vụ tư vấn...

CHƯƠNG II: NGUỒN VỐN VÀ QUẢN LÝ NGUỒN VỐN TẠI NHTM

Mục tiêu của chương: Hiểu được sự khác biệt cơ bản về: nguồn vốn của ngân hàng thương mại với các doanh nghiệp phi tài chính, tính chất nguồn vốn của ngân hàng thương mại với các định chế tài chính phi ngân hàng.

1. Nguồn vốn của ngân hàng thương mại

Ngân hàng kinh doanh tiền tệ dưới hình thức huy động, cho vay, đầu tư và cung cấp các dịch vụ khác. Huy động vốn- hoạt động tạo nguồn vốn cho ngân hàng thương mại- đóng vai trò quan trọng, ảnh hưởng tới chất lượng hoạt động của ngân hàng. Chương nguồn vốn và quản lý nguồn vốn tập trung nghiên cứu các loại nguồn tiền được truyền tải đến ngân hàng theo các kênh khác nhau, đặc điểm và các phương pháp quản lý chúng nhằm thực hiện mục tiêu kinh doanh mà ngân hàng đề ra.

Nguồn vốn của ngân hàng thương mại là toàn bộ các nguồn tiền tệ mà ngân hàng tạo lập, huy động được để cho vay, đầu tư và thực thi các dịch vụ ngân hàng. Nguồn vốn của NHTM bao gồm: vốn chủ sở hữu, vốn huy động, vốn đi vay và một số nguồn vốn khác.

1.1. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu là số vốn thuộc quyền sở hữu của NHTM, đó là nguồn tiền được đóng góp chủ yếu bởi những người chủ ngân hàng. Vốn chủ sở hữu của ngân hàng bao gồm nhiều loại khác nhau và được phân thành vốn cấp 1 và vốn cấp 2. Trong đó: vốn cấp 1(vốn cơ bản) được xem là sức mạnh và tiềm lực thực sự của ngân hàng. Vốn cấp 2(vốn bổ sung) được giới hạn tối đa bằng 100% vốn cấp 1.

1.1.1. Vốn cấp 1

Vốn cấp 1 bao gồm: vốn điều lệ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận không chia. Trong đó:

Vốn điều lệ là số vốn được ghi trong điều lệ hoạt động của ngân hàng thương mại. Tùy theo hình thái sở hữu mà vốn điều lệ của NHTM được hình thành từ các nguồn khác nhau.

Vốn điều lệ nhiều hay ít phụ thuộc vào khả năng tài chính của các chủ sở hữu và ý đồ thành lập ngân hàng với quy mô hoạt động khác nhau. Vốn điều lệ của mỗi ngân hàng luôn phải lớn hơn hoặc tối thiểu bằng vốn pháp định, là số vốn do Chính phủ quy định trong từng thời kỳ cho từng loại hình ngân hàng.

Các quỹ dự trữ gồm: quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ. Các quỹ này được hình thành trong quá trình hoạt động và được tích lũy theo thời gian để sử dụng cho các mục đích cụ thể của ngân hàng.

Lợi nhuận không chia là phần thu nhập của ngân hàng được giữ lại trong quá trình kinh doanh thay vì dùng để chi trả cổ tức cho cổ động.

Vốn cấp 1 được dùng làm căn cứ để xác định giới hạn mua cổ phiếu, đầu tư vào tài sản cố định của tổ chức tín dụng.

1.1.2. Vốn cấp 2

Vốn cấp 2 bao gồm:

Giá trị tăng thêm của tài sản cố định và giá trị tăng thêm của các loại chứng khoán đầu tư được định giá lại theo quy định của pháp luật. Do giá trị thị trường của tài sản có thể thay đổi theo thời gian, nên vốn do đánh giá lại tài sản thường không ổn định, vì vậy các ngân hàng chỉ được tính vào vốn cấp 2 một phần giá trị tăng thêm của tài sản.

Dự phòng chung. Đây là khoản tiền được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp khó khăn về tài chính của ngân hàng khi chất lượng các khoản nợ suy giảm.

Các trái phiếu chuyển đổi và một số các công cụ nợ khác thỏa mãn điều kiện do ngân hàng Nhà nước quy định.

Vốn chủ sở hữu chỉ chiếm một tỷ trọng nhỏ trong tổng nguồn vốn hoạt động của ngân hàng thương mại. Song vốn chủ sở hữu của ngân hàng lại đóng vai trò quan trọng và thực hiện một số chức năng không thể thay thế trong hoạt động ngân hàng như: cung cấp nguồn lực ban đầu để giúp ngân hàng mới thành lập hoạt động, cung cấp nền tảng cho sự tăng trưởng và mở rộng, giúp ngân hàng chống lại rủi ro và duy trì niềm tin công chúng vào khả năng quản lý và phát triển của ngân hàng.

1.2. Vốn huy động

Vốn huy động của NHTM dưới hình thức bằng tiền (nội tệ và ngoại tệ) và bằng vàng được hình thành từ hai bộ phận: vốn huy động từ tiền gửi và vốn huy động thông qua phát hành các giấy tờ có giá.

1.2.1. Vốn huy động từ tiền gửi

1.2.1.1. Tiền gửi của tổ chức kinh tế

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các tổ chức kinh tế thường có một bộ phận vốn nhàn rỗi tạm thời như: Khấu hao đã trích nhưng chưa đến lúc sử dụng, tiền thu bán hàng phải mua nguyên vật liệu, trả lương, các quỹ đầu tư phát triển... để đảm bảo an toàn tài sản đồng vốn vẫn sinh lời, các tổ chức kinh tế có thể gửi số vốn đó vào ngân hàng. Hoặc để thuận tiện cho quá trình sử dụng vốn, đơn vị có thể thanh toán qua ngân hàng cũng như sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác.

Tiền gửi không kỳ hạn: Tiền gửi không kỳ hạn là loại tiền gửi mà người gửi có thể rút tiền ra bất kỳ lúc nào và ngân hàng luôn có nghĩa vụ phải thỏa mãn các nhu cầu đó. Loại tiền gửi này có mục đích chính là để thanh toán.

Tiền gửi có kỳ hạn: Tiền gửi có kỳ hạn là loại tiền gửi có sự thỏa thuận về thời gian rút tiền. Nguồn vốn này có độ ổn định cao, ngân hàng chủ động trong quá trình sử dụng. Vì vậy, để có thể thu hút nhiều hơn loại tiền gửi này, các ngân hàng thường đưa ra nhiều loại kỳ hạn khác nhau phù hợp với thời gian vốn nhàn rỗi ở các đơn vị, mỗi kỳ hạn có mức lãi suất tương ứng theo nguyên tắc kỳ hạn càng dài lãi suất càng cao.

1.2.1.2. Tiền gửi của dân cư

Tiền gửi của dân cư là một bộ phận thu nhập bằng tiền của các tầng lớp dân cư trong xã hội gửi vào ngân hàng nhằm mục đích tiết kiệm và để thanh toán. Tiền gửi của dân cư bao gồm 2 loại: tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi thanh toán.

Tiền gửi tiết kiệm: Tiền gửi tiết kiệm bao gồm: tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn và tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn với các kỳ hạn khác nhau.

Đây là hình thức huy động vốn truyền thống của ngân hàng. Với loại tiền gửi này, người gửi được ngân hàng giao cho một sổ tiết kiệm, trong thời gian gửi tiền, sổ tiết kiệm có thể dùng làm vật cầm cố hoặc được chiết khấu để vay vốn ngân hàng.

- Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn: Là loại tiền gửi tiết kiệm mà người gửi tiền có thể gửi vào và rút ra theo yêu cầu sử dụng mà không cần báo trước cho ngân hàng. Ngân hàng trả lãi cho loại tiền gửi này nhưng lãi suất rất thấp. Loại tiền gửi này gần giống với tiền gửi không kỳ hạn, chỉ khác là nó được hưởng lãi, nhưng đổi lại không được hưởng các dịch vụ thanh toán qua ngân hàng. Gửi tiền dạng này nhằm đảm bảo an toàn cho khoản tiền và dự phòng cho các nhu cầu chi tiêu trong thời gian ngắn đồng thời được hưởng một chút lãi suất.

- Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn: Là loại tiền gửi tiết kiệm có thời hạn gửi cố định trước. Loại tiền gửi này cũng tương tự như tiền gửi có kỳ hạn ở các điểm là không được phép rút trước hạn(nếu rút trước sẽ phải chịu phạt như chỉ được hưởng lãi suất không kỳ hạn...) được hưởng lãi cao hơn các dạng tiền gửi không kỳ hạn và không được hưởng các dịch vụ thanh toán qua ngân hàng. Với dạng tiền gửi này, người gửi tiền chỉ được gửi tiền vào một lần và rút ra một lần cả vốn lẫn lãi khi đến hạn. Mỗi lần gửi được coi là một khoản tiền gửi riêng biệt. Mức tối thiểu của mỗi lần gửi do từng ngân hàng quy định.

- Tiền gửi thanh toán: Các cá nhân trong xã hội cũng có nhu cầu và được pháp luật cho phép thực hiện thanh toán qua ngân hàng. Khi đó họ cũng mở tài khoản tiền gửi thanh toán tại ngân hàng và gửi tiền vào đó để đáp ứng các nhu cầu thanh toán cũng như để sử dụng các tiện ích khác có liên quan của ngân hàng.

1.2.1.3. Tiền gửi khác

Tiền gửi của tổ chức tín dụng

Tiền gửi của kho bạc nhà nước

Tiền gửi của các tổ chức đoàn thể xã hội

1.2.2. Vốn huy động thông qua phát hành các giấy tờ có giá

Đây là nguồn vốn mà NHTM có được thông qua việc phát hành các giấy tờ có giá như kỳ phiếu ngân hàng, trái phiếu ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi...

Đối tượng mua kỳ phiếu, trái phiếu ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi là các tổ chức, cá nhân. Ngoài việc dùng số vốn nhàn rỗi hay phần thu nhập tạm thời chưa sử dụng đến để mua, đây còn là kênh đầu tư của người có vốn trong xã hội khi họ không có cơ hội đầu tư trực tiếp.

Vốn huy động là nguồn vốn chủ yếu chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ vốn kinh doanh của NHTM. Đây là nguồn vốn có ảnh hưởng rất lớn đến chi phí và khả năng mở rộng kinh doanh của ngân hàng. Nguồn vốn này có xu hướng ngày càng gia tăng, phù hợp với xu thế phát triển của nền kinh tế.

1.3. Vốn đi vay

1.3.1. Vốn vay của tổ chức tín dụng khác

Mục đích chính của loại vay này là nhằm đảm bảo dự trữ bắt buộc theo quy định của NHTU. Trong quá trình hoạt động, một số ngân hàng thương mại có những ngày cho vay quá nhiều dẫn đến sự thiếu hụt dự trữ bắt buộc tại NHTU. Trong khi đó lại có một vài ngân hàng thương mại khác thừa dự trữ. Để đảm bảo dự trữ theo quy định của NHTW, ngân hàng thương mại thiếu hụt dự trữ sẽ vay của ngân hàng thương mại có thừa dự trữ. Thời hạn của loại cho vay này ngắn, thường không quá một tuần.

Hầu hết các NHTM được tổ chức thành hệ thống gồm nhiều chi nhánh và hạch toán kinh doanh toàn ngành, thực hiện điều chuyển vốn giữa các chi nhánh qua hội sở chính, khi thừa vốn các chi nhánh điều chuyển về hội sở chính, khi thiếu vốn các chi nhánh được nhận vốn điều chuyển từ hội sở chính.

1.3.2. Vốn vay của NHTU

NHTU là ngân hàng của các ngân hàng và là ngân hàng cho vay cuối cùng trong nền kinh tế. Vì vậy, các NHTM có thể được NHTU cho vay vốn khi cần thiết. Ở Việt Nam hiện nay, NHNN cho các NHTM vay vốn ngắn hạn dưới hình thức sau:

Chiết khấu, tái chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác.

Cho vay có đảm bảo bằng cầm cố thương phiếu và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác.

Ngoài ra, NHNN còn cho NHTM vay bổ sung vốn thiếu hụt trong thanh toán bù trừ. Trong trường hợp đặc biệt, khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, NHNN còn cho vay đối với các NHTM tạm thời mất khả năng chi trả có nguy cơ gây mất an toàn cho toàn hệ thống.

1.4. Nguồn vốn khác

Bên cạnh các nguồn vốn nêu trên, trong quá trình hoạt động, các NHTM còn có thể tạo lập vốn cho mình từ nhiều nguồn khác:

Vốn trong thanh toán: vốn trong thanh toán là số vốn có được do ngân hàng làm trung gian thanh toán trong nền kinh tế.

Vốn ủy thác đầu tư, tài trợ của chính phủ hoặc của các tổ chức trong và ngoài nước cho các chương trình, dự án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

Ngoài ra, ngân hàng còn làm đại lý bán cổ phiếu, trái phiếu cho các doanh nghiệp, cũng như thu hộ lợi tức từ đầu tư chứng khoán cho khách hàng...những nghiệp vụ này cũng tạo thêm được nguồn vốn cho ngân hàng.

2.Quản lý nguồn vốn của ngân hàng thương mại

2.1.Sự cần thiết phải quản lý nguồn vốn của ngân hàng thương mại

Quản lý nguồn vốn của ngân hàng thương mại nhằm mục đích:

- Khai thác tối đa nguồn vốn nhàn rỗi trong xã hội từ trong xã hội từ các tổ chức kinh tế và mọi tầng lớp dân cư.

- Đảm bảo sự tăng trưởng nguồn vốn ổn định, bền vững, làm tiền đề cho việc nâng cao thị phần, thỏa mãn tốt nhất nhu cầu vốn cho khách hàng cả về số lượng, thời hạn và lãi suất.

- Đảm bảo khả năng thanh toán và nâng cao hiệu quả kinh doanh của ngân hàng.

2.2.Nội dung quản lý nguồn vốn của ngân hàng thương mại

Xây dựng kế hoạch nguồn vốn của NHTM bao gồm: số lượng, cơ cấu, tốc độ tăng trưởng nguồn vốn so với năm trước. đề xuất các phương án huy động vốn, chính sách lãi suất, công cụ sử dụng...

Thực hiện công tác điều hành vốn trong toàn hệ thống: giao kế hoạch nguồn vốn cho từng chi nhánh, xác định hạn mức điều chuyển vốn, lãi suất điều chuyển vốn...

Phân tích đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch nguồn vốn trong từng thời kỳ của từng chi nhánh và toàn hệ thống

Theo dõi việc thực hiện lãi suất, chênh lệch lãi suất bình quân cho vay và huy động của từng chi nhánh cũng như toàn bộ hệ thống.

HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN TẬP

1.Trình bày các công cụ huy động vốn của ngân hàng thương mại.

2.Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động tạo vốn của ngân hàng thương mại.

3.Trình bày nội dung các biện pháp tạo vốn trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại.